

Các vấn đề về ổn định kinh tế tài chính vĩ mô

TS. VŨ ĐÌNH ÁNH

Phó Viện trưởng
Viện NCKH Thị trường Giá cả

Ảnh Hòa Tấn



Năm 2008 đã qua đi nhưng những dư âm của một năm kinh tế - tài chính đầy sóng gió vẫn còn vang vọng và chắc chắn chúng ta còn rút ra được từ đó nhiều bài học cho những chặng đường phát triển tiếp theo.

1. Đánh giá tình hình kinh tế - tài chính vĩ mô năm 2008

VN bước vào năm 2008 với hai trạng thái đối nghịch nhau, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2007 đạt 8,5% - mức cao nhất trong vòng 12 năm gần đây kể từ thời kỳ khủng hoảng tài chính khu vực 1997-1998 - song tốc độ lạm phát cũng lên tới đỉnh cao tương tự - 12,63%. Chúng ta đứng trước sự lựa chọn quyết định: Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bất chấp lạm phát hay ưu tiên kiềm chế lạm phát. Phương án thứ nhất được lựa chọn từ quý I năm 2008, thực ra là từ quý IV năm 2007 với tham vọng tăng trưởng kinh tế tới 9% và lạm phát “thấp hơn tăng trưởng”, nói cách khác ở mức một con số.

Tại sao có sự lựa chọn đó? Trong rất nhiều lý do, có một chứng cứ đáng thuyết phục là dường như lịch sử ủng hộ VN tăng trưởng kinh tế cao đi đôi với lạm phát, ít nhất là tính từ 1995 đến 2007 lạm phát và tăng trưởng GDP là đồng biến và tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao là con đường ngắn nhất để tăng thu nhập bình quân đầu người lên mức 1.000 USD/năm - vượt qua ngưỡng nước nghèo có thu nhập thấp, thu hẹp khoảng cách phát triển.

Nhưng thực tế diễn ra không như những gì

chúng ta mong muốn. Lạm phát liên tục leo thang và vượt ra khỏi mọi qui luật đã hình thành từ hàng chục năm nay buộc VN phải điều chỉnh chính sách từ ưu tiên tăng trưởng sang ưu tiên kiềm chế lạm phát. Chỉ sau 6 tháng, Tổng cục Thống kê công bố chỉ số CPI đã lên tới 26,8% so với tháng 6 năm 2007 và 18,44% so với cuối năm 2007, riêng giá nhóm hàng lương thực tăng tương ứng tới 74,3% và gần 60% - phá vỡ mọi dự tính của chúng ta về kiểm soát lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô và còn nghiêm trọng hơn khi VN cơ bản vẫn là nước nông nghiệp với nông dân vẫn chiếm trên 60% dân số và lực lượng lao động. Giá cả tăng mạnh không chỉ trong dịp Tết Mậu Tý mà còn cả trong các tháng sau Tết - trái hẳn với qui luật vận động của giá cả những năm gần đây. Sau hơn 1 thập kỷ dường như “bóng ma” lạm phát đang quay trở lại đe dọa những thành quả kinh tế xã hội mà chúng ta đã đạt được.

Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng bắt đầu suy giảm mặc dù tỷ lệ đầu tư tiếp tục ở mức cao, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2008 ước tăng 15-16%, xuất hiện trở lại những “con sốt ảo” USD, vàng, gạo, thép, vật liệu xây dựng, v.v. thâm hụt thương mại cũng tăng vọt cho dù kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, sau khi VN-Index qua đỉnh điểm 1.173 điểm vào 11/3/2007, thị trường chứng khoán hầu như chỉ đi xuống và thiết lập các đáy mới chỉ còn bằng hơn ¼ đỉnh cao nhất - trên dưới 300 điểm vào cuối năm 2008, HASTC-Index cũng rơi trở lại mốc xuất phát điểm ban đầu, thị trường bất động sản “đóng băng” ở mức giá cao “ngất

ngưỡng” sau khi đã ngốn hàng triệu tỷ đồng vốn trong cùng như từ nước ngoài. Nền kinh tế VN đến cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 2008 đã mấp mé bờ vực khủng hoảng.

Lạm phát cao năm 2007-2008 do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó hai nguyên nhân cơ bản là:

(1) Các biện pháp kích cầu đầu tư nhằm vượt qua khủng hoảng tài chính khu vực 1997-1998 khởi nguồn từ đầu những năm 2000 và nỗ lực đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế lên cao đã làm cho hiệu quả đầu tư giảm sút nghiêm trọng, ICOR tăng lên đến trên 5 vào năm 2007, thậm chí có thể xấp xỉ 7 vào năm 2008, đi đôi với mở rộng tín dụng ngân hàng quá mức và có phần quá dễ dãi tương tự như cho vay dưới chuẩn của Mỹ từ nửa cuối năm 2007. Ngoài ra, thâm hụt NSNN “triền miên” ở mức 5% GDP theo chuẩn VN cũng khoét sâu thêm cái hố “lạm phát”;

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, mặc dù chúng ta tuyên bố thắt chặt tài khoá để góp phần kiềm chế lạm phát song thực tế năm 2008, chi NSNN vẫn lên tới 474.280 tỷ đồng, tương đương 31,9% GDP còn tổng thu NSNN cũng tới 26,8% GDP, tương đương 399.000 tỷ đồng. Tính chung giai đoạn 2006-2008, tốc độ tăng thu bình quân (đã loại trừ yếu tố tăng giá dầu) tới 13,4% (chỉ tiêu đề ra cho 5 năm là 10,8%/năm). Quy mô thu NSNN năm 2008 tăng 75% so với năm 2005, động viên NSNN 3 năm 2006 - 2008 từ thuế và phí (đã loại trừ yếu tố tăng giá dầu) đạt 23% GDP - vượt mục tiêu đề ra cho 5 năm là 20 - 21% GDP. Tổng chi NSNN 3 năm 2006 - 2008 ước đạt 64% chỉ tiêu 5 năm 2006 - 2010. Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm đạt 21,3%/năm, gần gấp đôi so với chỉ tiêu đề ra là 11,2%/năm. Quy mô chi NSNN năm 2008 tăng 79% so với năm 2005.

(2) Lạm phát mang tính toàn cầu trong nửa đầu năm 2008 với giá cả nhiều hàng hóa chiến lược tăng vọt, điển hình như giá gạo lên tới trên 1.000 USD/tấn vào tháng 5 năm 2008 – khủng hoảng lương thực toàn cầu đã báo động đỏ hay giá dầu thô lên đỉnh 147 USD/thùng vào tháng 7/2008, giá sắt thép, phân bón, thức ăn chăn nuôi,... cũng liên tục lập các kỷ lục mới và tất yếu tác động tức thì tới giá cả của một nền kinh tế có độ mở lớn như VN với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tới trên 150% GDP. Giá xăng RON 92 tại VN lập kỷ lục tăng thêm tới 4.500 VND/lít lên 19.000 VND/lít vào

21/7/2008. Bên cạnh đó, do những hạn chế trong dự báo thị trường nên VN lại phải chịu đựng thêm những thua thiệt không đáng có trước biến động trên thị trường quốc tế, chẳng hạn như việc dừng xuất khẩu gạo trong khi giá gạo xuất khẩu tăng cao, sau đó lại phải hỗ trợ để xuất khẩu gạo khi giá gạo đã xuống thấp, ô ạt mua phôi thép giá cao dẫn đến tổn động khối lượng lớn trong khi giá thép trên thị trường quốc tế đã giảm rất mạnh, hay như liên tục giảm giá xăng dầu một cách “nhỏ giọt” tới 9 lần trong vòng hơn 4 tháng nhưng cũng không theo kịp sự mất giá tới 2/3 của giá dầu thô quốc tế...

Do chưa nhận định đúng về mức độ nghiêm trọng của vấn đề lạm phát và vẫn còn “ngây ngất” với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, với vị thế thành viên chính thức của WTO nên các biện pháp đề ra đều chưa đúng hướng, chưa đủ liều lượng và việc thực thi cũng không thật sự nghiêm túc. Công cuộc chống lạm phát chỉ thực sự thay đổi kể từ Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17/4/2008 về các biện pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững với 8 nhóm giải pháp: (i) Thắt chặt tiền tệ; (ii) Thắt chặt tài khóa; (iii) Tăng cung; (iv) Giảm nhập siêu; (v) Tiết kiệm; (vi) Quản lý thị trường giá cả; (vii) An sinh xã hội; (viii) Thông tin tuyên truyền.

Việc lựa chọn chính sách thắt chặt tiền tệ làm trọng tâm, vừa tăng lãi suất cơ bản vừa hạn chế tăng tổng mức tín dụng dưới 30%, đồng thời thắt chặt các điều kiện tín dụng, đặc biệt là tín dụng cho kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản đã nhanh chóng đem lại những hiệu ứng mong muốn, làm thay đổi hẳn bức tranh tiền tệ - tín dụng ngân hàng trong một thời gian ngắn.

Sau một thời gian dài duy trì lãi suất cơ bản ở mức thấp, thêm vào đó, tác động của lãi suất cơ bản tới mặt bằng lãi suất tiền gửi – cho vay của các NHTM hầu như bị triệt tiêu thì sang năm 2008, NHNN VN đã 7 lần điều chỉnh lãi suất cơ bản với 3 lần tăng liên tiếp và 4 lần giảm liên tiếp, tất cả các lần điều chỉnh này đều tác động rất tích cực tới mục tiêu kiềm chế lạm phát mà Chính phủ đã đặt ra như ưu tiên hàng đầu trong năm 2008.

Mặc dù chúng ta đã gần như không thực hiện chính sách thắt chặt tài khóa với tổng chi NSNN cả năm 2008 ước vượt 18,9% so với dự toán, tăng 22,3% so với thực hiện năm 2007. Quy mô chi NSNN so với GDP vẫn ở mức rất cao và thu NSNN

ước vượt 23,5% so với dự toán, tăng 26,3% so thực hiện năm 2007, song chỉ với chủ trương thắt chặt tiền tệ đi đôi với sự đảo chiều của thị trường quốc tế - từ lạm phát cao sang giảm phát và suy thoái kinh tế - nên bắt đầu từ tháng 7/2008, lạm phát ở VN đã có dấu hiệu lắng dịu và thậm chí CPI xuống mức tăng âm vào tháng 10-11/2008 - chỉ sau hơn 5 tháng áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt.

Trong khi sức mua đối nội của VND bước đầu được phục hồi nhờ các biện pháp kiềm chế lạm phát sau một thời gian sụt giảm thì sức mua đối ngoại - tỷ giá VND/USD - cũng sụt giảm chút ít với dự kiến tỷ giá bình quân cả năm 2008 ở mức 16.500 VND/USD. Việc tỷ giá hối đoái được duy trì tương đối ổn định trong bối cảnh USD liên tục trỗi sụt so với các đồng tiền chủ chốt khác trên thế giới chứng tỏ VN vẫn kiên định chính sách tỷ giá hối đoái cố định nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, chính sách tỷ giá hối đoái kém linh hoạt đó hầu như không có tác động đến thương mại và luân chuyển các luồng vốn quốc tế. Một mặt, thâm hụt thương mại trở nên nặng nề mặc dù xuất khẩu đã có những cố gắng đáng ghi nhận, mặt khác, VN trở thành "vùng trũng" cho các dòng vốn nước ngoài đổ vào trong bối cảnh USD mất giá trị ở nhiều thị trường khác.

Kết quả là cả các dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI), cả đầu tư gián tiếp (FII), cả vốn thật (chính thức và không chính thức), cả vốn "ảo" (đăng ký và hứa hẹn) ồ ạt đổ vào VN, vượt ra khỏi tầm kiểm soát và khả năng hấp thụ của nền kinh tế. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng vọt với tổng số dự án cấp mới từ đầu năm đến 20/11/2008 tới 1.059 dự án với tổng vốn đăng ký 59 tỷ USD, tăng 252,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm

tỷ USD, tăng 211,8% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thực hiện trong 11 tháng năm của 2008 ước tính đạt 10,1 tỷ USD, tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2007. Các dự án tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (537 dự án với 32,5 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm 50,7% tổng số dự án và chiếm 55,1% tổng vốn đăng ký), dịch vụ (480 dự án với 26,3 tỷ USD, chiếm 45,3% tổng số dự án và chiếm 44,5% tổng vốn đăng ký), rất ít dự án đầu tư vào nông, lâm nghiệp và thủy sản (42 dự án với 247,1 triệu USD, chiếm 4% tổng số dự án và chiếm 0,4% tổng vốn đăng ký). Đặc biệt, có những địa phương "đột ngột" đứng đầu cả nước về thu hút FDI chỉ với một vài dự án khổng lồ như Ninh Thuận dẫn đầu với 9,8 tỷ USD, chiếm 16,6% tổng vốn đăng ký; Hà Tĩnh 7,9 tỷ USD, chiếm 13,4%; Thanh Hóa 6,2 tỷ USD, chiếm 10,5%; Phú Yên 4,3 tỷ USD, chiếm 7,4%;...

Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư gián tiếp sau khi ồ ạt đổ vào VN tới 10 tỷ USD năm 2007 - vượt khỏi tầm kiểm soát và trở thành một trong những tác nhân gây ra lạm phát năm 2007-2008 do NHNN dùng tiền đồng để mua vào lượng ngoại tệ khổng lồ này nhằm tăng dự trữ ngoại tệ - đến cuối năm 2008 đã có dấu hiệu rút ra mà chúng ta cũng chưa thể kiểm soát được. Tình trạng "chơi với" trong biến vốn đầu tư nước ngoài, kể cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp đôi lúc, đôi nơi đó xuất hiện.

Nếu xảy ra tình trạng vốn nước ngoài đột ngột đảo chiều thì tình trạng thặng dư cán cân thanh toán tổng thể của VN những năm gần đây có thể nhanh chóng rơi vào thâm hụt do thặng dư tài khoản vốn luôn được dùng để bù đắp cho thâm hụt cán cân thương mại và thâm hụt tài khoản vãng lai triền miên.

Cán cân thanh toán của VN 1995-2006 (triệu USD)												
	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Cán cân vãng lai	-2.648	-2.431	-1.664	-1.067	1.285	642	670	-676	-1.935	-1.565	-497	-164
Cán cân thương mại	-3.155	-3.143	-1.315	-981	1.080	378	627	-1.054	-2.582	-2.287	-2.439	-2.776
Tài khoản vốn	2.326	2.079	1.662	216	-334	-526	-476	1071	4.086	2.447	2.628	4.486
Cán cân thanh toán tổng thể	-38	-351	-4	-524	768	115	194	395	2.151	883	2131	4.322

Nguồn: Số liệu của IMF (Country Report 1995-2007)

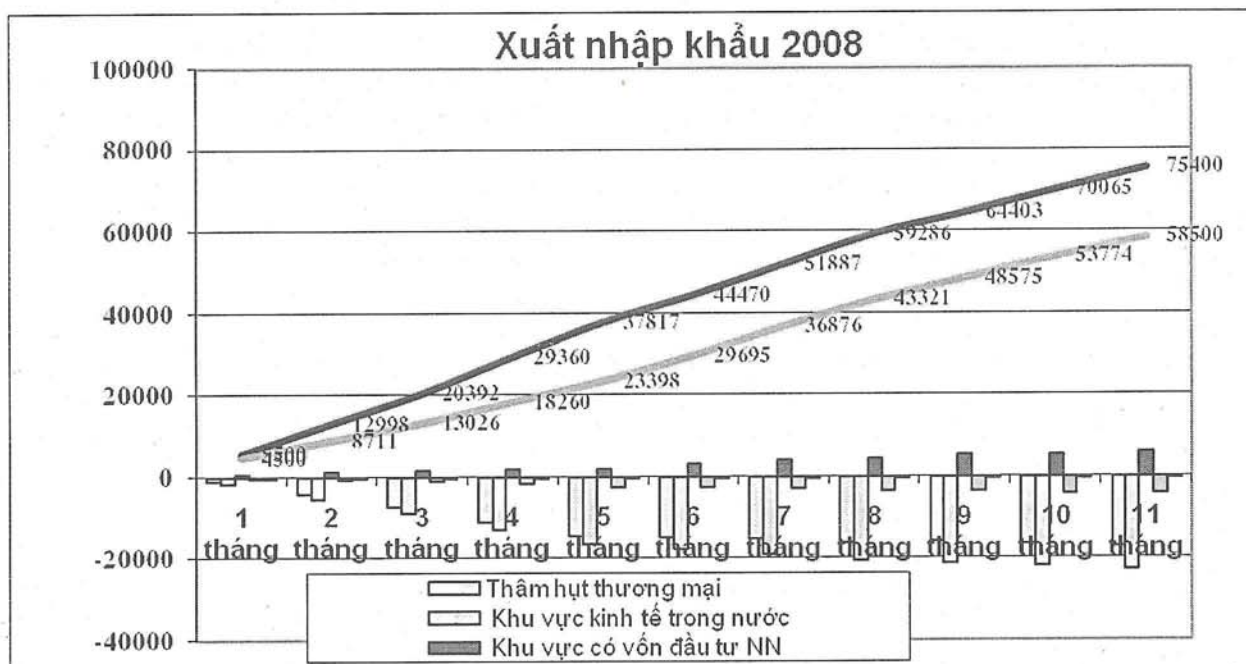
trước. Nếu tính thêm 1,1 tỷ USD vốn đăng ký bổ sung của 272 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước thì 11 tháng năm 2008 đã thu hút được 60,1

Đặc biệt, thâm hụt thương mại năm 2007-2008 tăng vọt do tác động của giá nhập khẩu. Ước tính năm 2008, thâm hụt thương mại của VN lên tới

17,3 tỷ USD, tương đương 19,2% GDP hay 27,37% tổng kim ngạch xuất khẩu – gấp hơn 3 lần so với mức bình quân giai đoạn 2003-2006 và tăng hơn 22,5% so với năm trước.

Nguyên nhân cơ bản của thâm hụt thương mại là chúng ta nhập khẩu quá nhiều, kể cả nhập khẩu để tiêu dùng và nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, nói cách khác, hàm lượng giá trị gia tăng trong xuất khẩu của VN không cao và những mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn là gia công và sơ chế tài nguyên thô. Trong khi đó, độ mở của nền kinh tế VN năm 2008 tới gần 160% GDP nên mức độ phụ thuộc của nền kinh tế trong nước vào diễn biến thị trường quốc tế ngày càng nặng nề. Ngoài ra, khu vực kinh tế trong nước lại thường xuyên nhập siêu trong khi khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lại liên tục xuất siêu chứng tỏ sức cạnh tranh nội tại của nền kinh tế VN rất hạn chế. Thực tế 11 tháng năm 2008 cũng cho thấy rõ điều đó.

hướng về chính quốc đang bộn bề khó khăn đi đôi với sức hấp dẫn của thị trường VN không cao. Thị trường trong nước cũng được dự báo phát triển chậm do sức mua của người tiêu dùng khó có thể cải thiện so với năm 2008 (tổng mức bán lẻ hàng hoá chỉ tăng hơn 6% sau khi đã loại trừ yếu tố lạm phát) – sau một năm kiệt sức vì lạm phát cao và thu nhập thực tế của không ít hộ gia đình trở lại dưới ngưỡng nghèo trong khi kỳ vọng tăng thu nhập của đại đa số nhân dân chưa thể nhanh chóng xuất hiện. Hàng loạt doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa “điều đứng” do vấp phải những khó khăn từ chính sách tiền tệ thắt chặt, từ những bài học cay đắng trên thị trường xuất nhập khẩu, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, từ khó khăn tìm đầu ra cho các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của mình cả khi lạm phát leo thang lẫn khi nguy cơ lạm phát cao đã giảm bớt. Chính vì vậy, năm 2009, bên cạnh nguy



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê

2. Định hướng chính sách ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô năm 2009 và các giải pháp thực hiện

Năm 2009 là một năm đầy thử thách đối với kinh tế - tài chính VN. Suy thoái kinh tế toàn cầu tác động trực tiếp tới triển vọng xuất khẩu của nước ta với dự báo tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu chỉ còn bằng một nửa so với năm 2008. Khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp và gián tiếp sẽ khó khăn hơn rất nhiều do các nhà đầu tư phải

cơ lạm phát quay trở lại và tăng trưởng kinh tế thấp còn xuất hiện nguy cơ thất nghiệp gia tăng, do đó, chống thất nghiệp, duy trì và tạo thêm công ăn việc làm phải trở thành trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế – xã hội ít nhất đến 2010.

Theo chúng tôi, mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5% và lạm phát dưới 15% mà Quốc hội và Chính phủ đặt ra không dễ nhưng vẫn có thể thực hiện được, thậm chí lạm phát có nhiều khả năng lùi về 1 con số do cầu trong nước có khả năng thanh toán bị

hạn chế và suy thoái kinh tế toàn cầu cũng có thể kéo dài. Tuy nhiên, mục tiêu đầu tư toàn xã hội ở mức 39,5% GDP cho thấy hiệu quả đầu tư vẫn rất thấp với ICOR trên 6, do đó, sẽ hợp lý hơn nếu điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế xuống mức 5,5-6% đi đôi với nâng cao hiệu quả đầu tư tổng thể với ICOR khoảng 5, nói cách khác tổng đầu tư toàn xã hội khoảng 30% GDP. Với mức đầu tư đó gắn với chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên khuyến khích đầu tư của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng tới đảm bảo và tạo ra nhiều việc làm gắn với phát triển thị trường trong nước.

Quan trọng hơn những con số mục tiêu cho năm 2009 chính là những thay đổi mang tính chiến lược phát triển mà chúng ta sẽ thực hiện ngay từ năm 2009 này, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo. Trước sự bất ổn và khó dự báo của thị trường quốc tế, nguy cơ suy giảm tăng trưởng cần tập trung vào 3 nhóm giải pháp chính là: (i) Linh hoạt chính sách tiền tệ - tín dụng; (ii) Kích cầu đầu tư; (iii) Kích cầu tiêu dùng.

Trong nhóm giải pháp chính sách tiền tệ, tín dụng, hiện nay, chúng ta nên tiếp tục duy trì giải pháp tiền tệ linh hoạt thông qua giảm lãi suất cơ bản phù hợp với diễn biến của giá cả và lạm phát, cũng như là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ngân hàng trong bối cảnh giá cả có xu hướng giảm. Trong khi các ngân hàng thương mại cần tiếp tục thực hiện chính sách giảm mức độ thắt chặt tiền tệ, quản lý chặt chẽ rủi ro, nhất là rủi ro tín dụng, đưa dần tỷ lệ nợ quá hạn về ngưỡng an toàn thì vẫn phải duy trì cung cấp tín dụng cho các dự án tốt, có hiệu quả, kể cả những dự án liên quan đến bất động sản hay chứng khoán.

Nếu như nền kinh tế rơi vào tình trạng giảm phát hay suy giảm tăng trưởng thì chúng ta phải sử dụng cả biện pháp kích cầu đầu tư và kích cầu tiêu dùng. Chúng ta cần phải tiếp tục kích cầu đầu tư và kích cầu tiêu dùng bên cạnh việc xuất khẩu có chọn lọc và chuyển hướng phát triển vào thị trường nội địa tương xứng. Trong đó, hướng thúc đẩy đầu tư trong nước là chú trọng nói lỏng gánh nặng cho doanh nghiệp bằng cách giảm thuế, kể cả thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng. Giảm thuế là giải pháp trọng tâm để kích cầu đầu tư cũng như kích cầu tiêu dùng thông qua giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm giá

tương xứng đảm bảo tăng tiêu dùng thực tế của người dân. Nội hàm chủ yếu của gói giải pháp kích cầu trị giá 1 tỷ USD hay hơn nữa của Chính phủ nên là giá trị của các biện pháp giảm thuế. Giảm giá các hàng hoá dịch vụ, kể cả giá cả trên thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, đưa về đúng giá trị thật của chúng, phù hợp với thu nhập và sức mua của đại bộ phận nhân dân chính là biện pháp kích cầu hiệu quả và vững chắc nhất.

Trong điều kiện chưa thể nói lỏng chính sách tiền tệ do nguy cơ lạm phát chưa hoàn toàn triệt tiêu, để đối phó với nguy cơ suy giảm kinh tế cần thực hiện chính sách tài khoá nói lỏng song trong hoàn cảnh VN không thể và không nên tăng chi NSNN, cả chi đầu tư cũng như chi thường xuyên mà nên nói lỏng tài khoá theo hướng giảm mức độ động viên vào NSNN thông qua các biện pháp giảm thuế nêu trên. Tổng mức động viên vào NSNN năm 2009-2010 không quá 22%GDP, đồng thời giảm mức bội chi NSNN xuống 3-4%GDP (theo tiêu chuẩn VN), theo đó, qui mô chi NSNN giai đoạn 2009-2010 khoảng 25-26%GDP. Chi thường xuyên từ NSNN cần cơ cấu lại theo hướng tăng chi tiền lương đảm bảo thu nhập cho cán bộ công chức gắn liền với cải cách bộ máy hành chính, tăng hiệu quả và hiệu suất hoạt động của bộ máy hành chính. Chi NSNN năm 2009-2010 còn phải tập trung tạo dựng nền tảng cho mạng lưới an sinh xã hội không chỉ đảm bảo cuộc sống cho các đối tượng xã hội mà còn nhằm tạo điều kiện xúc tiến các giải pháp cần thiết nếu nền kinh tế suy thoái, đặc biệt là xử lý các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan tới người thất nghiệp và sự phá sản của một số doanh nghiệp thua lỗ, hoạt động không hiệu quả, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Đối với chi đầu tư trực tiếp từ NSNN và chi tín dụng ưu đãi của Nhà nước, một mặt lựa chọn các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo ra nhiều việc làm, mặt khác, đầu tư nhà nước cần phải hướng vào phát triển con người, đầu tư mạnh vào giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thông qua đó, người lao động có việc làm, có thu nhập thì mới phát triển được thị trường trong nước bền vững. Cần tôn trọng nguyên tắc: Nhà nước chỉ đầu tư vào những lĩnh vực mà khu vực kinh tế ngoài nhà nước không muốn đầu tư, không được phép đầu tư hay không thể đầu tư do tiềm lực chưa

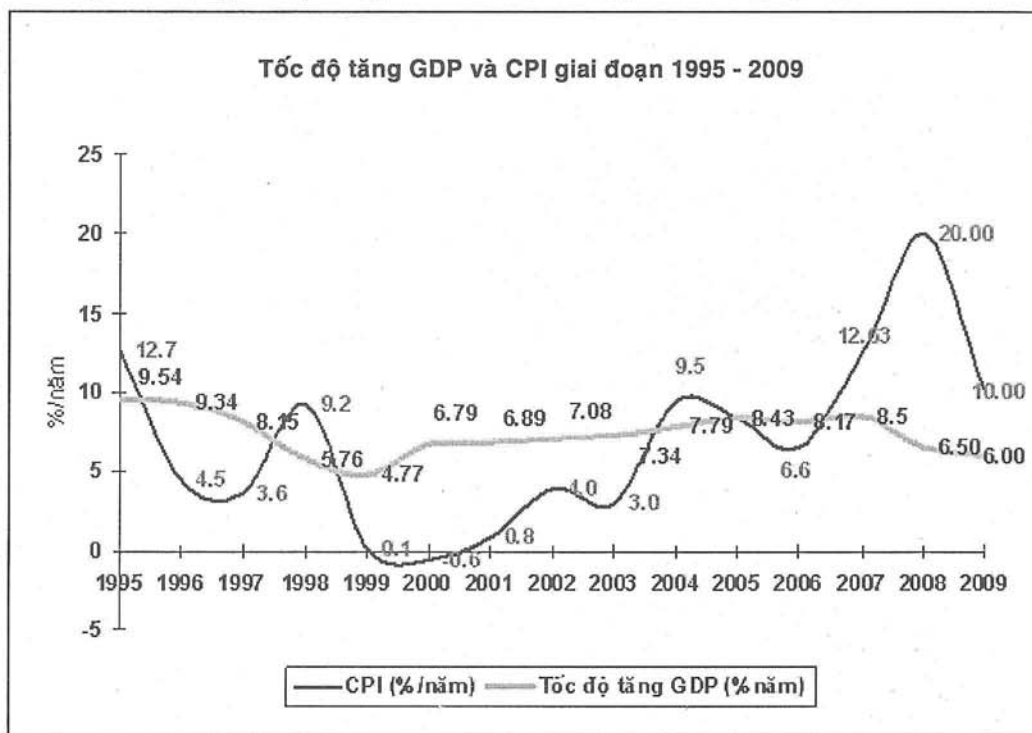
đủ. Bên cạnh đó, đầu tư nhà nước dành cho các DNNN, các tập đoàn kinh tế nhà nước cần được kiểm soát và giám sát chặt chẽ, tránh tình trạng đầu tư tràn lan, thiếu hiệu quả, rủi ro cao, tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh và bình đẳng giữa các doanh nghiệp hay/và tình trạng độc quyền phi lý.

Năm 2009 còn là năm quyết định quan trọng về cơ cấu lại xuất nhập khẩu, cao hơn là điều chỉnh mô hình kinh tế định hướng xuất khẩu. Theo đó, chúng ta không nên tiếp tục xuất khẩu bằng mọi giá, xuất khẩu chủ yếu là nguyên nhiên liệu thô, nông thủy sản sơ chế có giá trị gia tăng thấp, phụ thuộc quá nhiều vào thị trường quốc tế. Chúng ta nên kiên quyết khước từ hoạt động xuất khẩu chạy theo tăng kim ngạch trong khi không chú ý đúng mức tới chất lượng và giá trị gia tăng của các mặt hàng xuất khẩu và lợi thế cạnh tranh của VN trong xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ. Trước mắt, kim ngạch xuất khẩu có thể giảm, hay ít nhất không thể tăng cao tới 20-30%/năm như những năm gần đây song chúng ta cần phải trả giá để cơ cấu lại xuất khẩu, cả cơ cấu mặt hàng và cơ cấu thị trường vì những mục tiêu

lớn và dài hạn hơn. Khi đó, để tránh tăng thâm hụt cán cân thương mại và cán cân vãng lai, trong chừng mực nhất định có thể cả tăng thâm hụt cán cân thanh toán do thặng dư tài khoản vốn có thể không còn cao như hiện nay thì chúng ta nhất thiết phải kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu. Một mặt, giảm nhập khẩu những nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất, đặc biệt là cho sản xuất hàng xuất khẩu thông qua định hướng xuất khẩu những hàng hoá dịch vụ có hàm lượng giá trị gia tăng tạo ra trong nước cao nhất, thay thế những hàng hoá dịch

vụ nhập khẩu trong nước có thể cung cấp được thông qua nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản xuất trong nước, đảm bảo sức cạnh tranh đầy đủ mà không cần hàng rào bảo hộ quá mức và vi phạm các cam kết hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, cần linh hoạt vận dụng chính sách thuế quan và thuế tiêu thụ đặc biệt để thúc ép các doanh nghiệp trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh và điều tiết thu nhập của nhóm người có thu nhập cao tiêu dùng những hàng hoá dịch vụ cao cấp, đắt tiền và phần lớn là nhập khẩu. Chúng ta không nên áp dụng các biện pháp cấm đoán đối với nhập khẩu hay tiêu dùng các hàng hoá đắt tiền cao cấp mà nên tăng cường thu từ đó vào NSNN để phục vụ cho các mục tiêu an sinh xã hội.

Do ảnh hưởng của các biện pháp kích cầu đầu tư



Nguồn: Số liệu của TCTK và dự báo của tác giả

và tiêu dùng cũng như điều chỉnh cơ cấu và định hướng xuất nhập khẩu, đồng thời ổn định cán cân thanh toán tổng thể như đã nêu trên, chính sách tỷ giá hối đoái cũng cần có những điều chỉnh thích hợp trong năm 2009-2010. Dường như chính sách cơ bản giữ ổn định tỷ giá hối đoái dựa trên “neo” vào USD và liên tục giảm nhẹ giá trị của VND đã không còn phù hợp. Một mặt, chúng ta cần xác định tỷ giá hối đoái dựa trên một rổ tiền tệ với đại diện là những đồng tiền của các thị trường xuất nhập khẩu và của các nhà đầu tư quan trọng nhất.

Mặt khác, kích cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước chỉ có hiệu quả thật sự khi và chỉ khi giá trị của VND được nâng cao, cả giá trị đối nội và giá trị đối ngoại. Nói cách khác, tỷ giá hối đoái cần được định hướng điều chỉnh theo hướng có tăng có giảm phù hợp với trạng thái nền kinh tế và mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của VN. Trước mắt có thể điều chỉnh nâng giá VND nhằm hỗ trợ sản xuất và tiêu dùng trong nước, hạn chế nhập khẩu. Tuy nhiên, chính sách tỷ giá hối đoái đó cần kết hợp với biện pháp phân phối lại thu nhập nhằm giảm dần mức độ chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giữa các khu vực quá lớn như hiện nay, nếu không, khi VND lên giá thì khoảng cách giàu nghèo có thể còn giãn rộng hơn và nảy sinh những mâu thuẫn xã hội ngày càng khó giải quyết.

Những ngày cuối năm 2008, Chính phủ VN đã có gói giải pháp đồng bộ cho năm 2009 gồm 5 điểm chính để ngăn chặn suy giảm kinh tế:

- Thứ nhất, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu. Tập trung giải quyết dứt điểm những thủ tục còn phiền hà, giảm đến mức thấp nhất thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng, nhất là các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn, có khả năng tăng trưởng cao.

- Thứ hai, kích cầu đầu tư và tiêu dùng. Thực hiện các biện pháp thúc đẩy đầu tư xây dựng nhà giá rẻ cho người thu nhập thấp, các đối tượng chính sách, nhà ở cho người lao động ở các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung, nhà ở cho học sinh, sinh viên.

- Thứ ba, thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp và nhân dân sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống.

- Thứ tư, đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường chăm lo cho đồng bào nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng thiên tai, lũ lụt không để bị thiếu đói.

- Thứ năm, tổ chức, chỉ đạo điều hành năng động, quyết liệt. Trong đó chú trọng rà soát lại các loại thủ tục, nhất là thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản; tiếp cận vốn; nộp thuế, hoàn thuế.

Theo chúng tôi, những giải

pháp trên của Chính phủ là đúng hướng, tương đối đồng bộ song nội dung của từng giải pháp vẫn thiếu tính toàn diện, tính chiến lược và tính khả thi chưa cao do hoặc còn chung chung hoặc quá cụ thể mà chưa bao quát được nội hàm của giải pháp.

Dự báo kinh tế VN năm 2009 sẽ khó có thể tăng trưởng cao khi các nguồn vốn trong và ngoài nước không dồi dào vì chịu ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới. Sức mua của người tiêu dùng khó tăng, doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, kim ngạch xuất nhập khẩu cũng sẽ không thể tăng mạnh. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để định hình lại mô hình kinh tế, tái cơ cấu lại lao động, cơ cấu lại thu chi NSNN, cơ cấu lại xuất nhập khẩu, điều chỉnh chính sách lãi suất và chính sách tỷ giá hối đoái của VN hướng vào phát triển thị trường trong nước giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường thế giới, đồng thời phát huy được các lợi thế cạnh tranh của VN, đặc biệt là những lợi thế về nguồn nhân lực VN ■

Tài liệu tham khảo:

- Niên giám Thống kê 1995-2007 – TCTK
- Báo cáo tình hình kinh tế hàng tháng năm 2008 của TCTK
- Các báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội năm 2008
- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2008 và dự toán NSNN năm 2009, Bộ Tài chính
- Country Report 1995-2007 – IMF
- Nghị quyết 10/2008 – Chính phủ VN

Ảnh Hòa Tấn

